

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 09BCF/QNS/2025

**BÁNH QUY CACAO
NHÂN KEM VỊ CAM CAMELY**

2025



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 09BCF/QNS/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI.**

Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Điện thoại: 0255.3726110 - 0255.8567171;

Fax: 0255.3822843 - 0255.3811274.

E-mail: info@qns.com.vn; biscafun@vnn.vn

Mã số doanh nghiệp: 4300205943

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: BÁNH QUY CACAO NHÂN KEM VỊ CAM CAMELY

2. Thành phần:

Bột mỳ, chất béo (shortening, bơ thực vật), đường, nha, bột sữa béo, bột cacao (3%), tinh bột bắp, sữa đặc, bột cam, chất làm ẩm (420(i)), muối, chất tạo xốp (500(ii), 503(ii)), chất nhũ hóa (322(i)), hương liệu thực phẩm tổng hợp (vani, sữa, cam), màu thực phẩm tổng hợp (110), chất chống oxy hóa (319).

Thông tin dị ứng: Sản phẩm có chứa lúa mì, sữa, đậu nành.

Sản phẩm có thể chứa trứng gà.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

- Ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói:

- Sản phẩm được đóng trong các loại bao bì với khối lượng tịnh: 160g, 180g, 200g, 220g, 280g, 300g, 350g, 361g, 400g, 602g,...

- Tùy theo nhu cầu của thị trường trọng lượng gói bánh có thể thay đổi cho phù hợp.

- Sản phẩm được đóng gói phù hợp theo Thông tư số: 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ. 

4.2. Chất liệu bao bì:



- Bánh được đóng gói từng cái một bằng giấy OPP20/MCPP25. Các gói bánh được đựng trong hộp giấy cứng hoặc túi PE, đảm bảo các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT.

- Hộp bánh hoặc túi PE được đựng trong thùng carton với khối lượng thích hợp.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại Việt Nam.

Sản phẩm của Nhà máy Bánh kẹo Biscafun - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy định của các văn bản kỹ thuật:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

2. Thông tư của các bộ, ngành:

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Y tế: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

3. Tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất số: TCCS 09:2025/BCF-QNS

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 7 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÁ NHÂN



Thánh Dàng





Milk *chuyen*



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Đình Khai



Biscofón
Sản xuất tại Việt Nam

NHÀ MÁY BÁNH KẸO BISCAFUN
CHINHÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
Địa chỉ: 56/02, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Nghĩa Lộ,
thị trấn Quảng Ngãi, Việt Nam.

Made in Vietnam

BISCAFUN CONFECTIONERY FACTORY
BRANCH OF QUANG NGAI SUGAR JOINT STOCK COMPANY
Address: 02 Nguyễn Chí Thanh street, Nghĩa Lộ ward,
Quảng Ngãi province, Vietnam.
Tel: (84) 025 3 3822 153 Email: info@biscofón.com.vn
Website: http://biscofón.com.vn

THÀNH PHẦN:
Bột mỳ, chất béo (shortening), bơ thực vật, đường, sữa, bột sữa bột (E90),
tinh bột bắp, vani, bột cacao, chất làm chín (E220), muối, chất tạo xốp (E500), chất nhũ hóa (E320), hương liệu thực phẩm tổng hợp (vani, sữa, cam), màu thực phẩm
thông báo (E10), chất chống oxy hóa (E310).

Thông tin dị ứng: Sản phẩm có chứa lúa mì, sữa, dầu thực
vật, phẩm màu nhân tạo.

Sản phẩm có thể chứa trứng gà.

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRONG 100 g			
M năng lượng	316 ± 648 kcal	Chất béo	16 ± 32 g
Carbohydrat	40 ± 80 g	Chất bột bắp hoặc bột	10 ± 20 g
Đường tổng số	18 ± 30 g	Natri	150 ± 300 mg
Chất đạm	3 ± 10 g		

NSC: 12 tháng trước HSD

HSD: Xem trên bao bì

Hướng dẫn sử dụng: Dùng ăn trực tiếp

Khuyến cáo:

- Sản phẩm chỉ được sử dụng khi bao bì còn nguyên vẹn.
- Không để đựng sản phẩm khác
- Bảo vệ bề mặt, tránh có vết nứt và hư hại bề mặt
- Chỉ dùng với các thành phần: sữa, trứng gà, sữa, dầu thực vật.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng mặt trời.

Khoi lượng tịnh: 280 g (28 cái x 10 g)






8 1934614 027462



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
COMMISSION FOR THE STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY OF VIET NAM
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 2 (QUATEST 2)

Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Address: No. 02 Ngo Quyen Str, Son Tra District & No. 97 Ly Thai To Str, Thanh Khe District, Da Nang City
Điện thoại/Tel.: (0236) 3848376; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn



Số (№): 1374.10-K2/7133/KT2-HC2

Ngày/Date of issue: 20/12/2024

Trang/page: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên mẫu/Name of sample: **BÁNH QUY CA CAO NHÂN KEM VỊ CAM CAMELY/
CAMELY ORANGE CREAM COCOA BISCUIT**
2. Ký hiệu mẫu/Mark of sample: **/**
3. Số lượng mẫu/Quantity: **01**
4. Tình trạng mẫu/
State of sample: **Mẫu nguyên hộp giấy, khoảng 400 g
Whole paper box sample, about 400 g**
5. Khách hàng/Client: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI /
QUANG NGAI SUGAR JOINT STOCK COMPANY**
6. Địa chỉ/Address: **02 Nguyễn Chí Thanh, phường Quảng Phú, thành phố Quảng
Ngãi, Việt Nam /
No.2, Nguyen Chi Thanh Street, Quang Phu ward, Quang Ngai city,
Quang Ngai province, Vietnam**
7. Ngày nhận mẫu/
Date of receiving: **28/11/2024**
8. Ngày thử nghiệm/
Date of testing: **từ ngày/from: 28/11/2024 đến ngày/to: 20/12/2024**
9. Kết quả thử nghiệm/
Test results:

TT/ Item	CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH/ Test property, unit	PHƯƠNG PHÁP THỬ/ Test method	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ Test result
1.	Hàm lượng chất béo/ Fat content g/100g	KT2.QT.CH-058	23,8
2.	Hàm lượng Protein/ Protein content g/100g	KT2.QT.CH-057	9,57
3.	Hàm lượng Na/ Na content mg/100g	AOAC 969.23	215
4.	Hàm lượng Carbohydrate/ Carbohydrate content g/100g	KT2.QT.CH-060 ⁽ⁿ⁾	64,7
5.	Năng lượng/ Energy Kcal/100g	KT2.QT.CH-046 ⁽ⁿ⁾	511
6.	Đường tổng (tính theo Glucose)/ Total sugar (as Glucose) g/100g	KT2.QT.CH-055	22,1
7.	Hàm lượng béo bão hòa/ Saturated fat content g/100g	AOAC 996.06	15,6
8.	Hàm lượng Pb/ Pb content mg/kg	AOAC 999.11	KPH/ND (MDL = 0,015)





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
COMMISSION FOR THE STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY OF VIET NAM
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 2 (QUATEST 2)

Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Address: No. 02 Ngo Quyen Str, Son Tra District & No. 97 Ly Thai To Str, Thanh Khe District, Da Nang City
Điện thoại/Tel.: (0236) 3848376; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn



Số (№): 1374.10-K2/7133/KT2-HC2

Ngày/Date of issue: 20/12/2024

Trang/page:2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT/ Item	CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH/ Test property, unit	PHƯƠNG PHÁP THỬ/ Test method	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ Test result
9.	Hàm lượng Cd / Cd content mg/kg	AOAC 999.11	KPH/ND (MDL = 0,015)
10.	Hàm lượng As/ As content mg/kg	AOAC 986.15	KPH/ND (MDL = 0,015)
11.	Hàm lượng Hg/ Hg content mg/kg	AOAC 971.21	KPH/ND (MDL = 0,015)
12.	Hàm lượng Aflatoxin B1/ Aflatoxin B1 content µg/kg	AOAC 991.31	KPH/ND (MDL = 0,5)
13.	Hàm lượng Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)/ Total aflatoxins content µg/kg	AOAC 991.31	KPH/ND (MDL = 1,0)
14.	Hàm lượng Ochratoxin A/ Ochratoxin A content µg/kg	AOAC 2000.03	KPH/ND (MDL = 0,8)
15.	Hàm lượng Zearalenone/ Zearalenone content µg/kg	KT2.QT.CH-101	KPH/ND (MDL = 5)
16.	Hàm lượng Deoxynivalenol/ Deoxynivalenol content µg/kg	KT2.QT.CH-101	KPH/ND (MDL = 150)

Ghi chú/ Notes:

- KPH/ ND: Không phát hiện/Not detectable;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit;
- (n): phép thử chưa được BoA công nhận/Test method is not accredited by BoA;
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng, tên hợp đồng được ghi theo yêu cầu khách hàng/ The sample, mark, client and contract are named by client's requirements;
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi đến / The test results are valid only for the received sample from client.
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2/ This Test report not be reproduced except in full without the written approval of QUATEST 2;
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả/ QUATEST 2 is disclaimer when the information is supplied by the customer and can affect the validity of results;

KT. TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 2
PP. Head of technical Division 2
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG, PHỤ TRÁCH
D. Head of technical Division 2

Võ Thị Bích Thủy

KT. GIÁM ĐỐC/ PP. Director
PHÓ GIÁM ĐỐC/ D. Director



Ngô Thị Như Loan

